

Số: 2182/QĐ-ĐHCN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2017-2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2017;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định mức học phí đối với sinh viên các hệ đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh năm học 2017-2018 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định được áp dụng trong năm học 2017-2018 và thay thế các văn bản về quy định mức thu học phí, kinh phí đào tạo trước đây liên quan đến nội dung trên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Viện và toàn thể sinh viên đang theo học tại Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận :

- BGH (để b/c);
- Các Phòng, Khoa, Viện;
- Sinh viên các khóa;
- Website của Trường;
- Lưu: VT, TCKT.

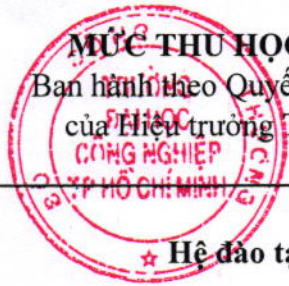
HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Chiến Quốc

MỨC THU HỌC PHÍ CÁC HỆ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2017-2018

Ban hành theo Quyết định số: 2122 /QĐ-ĐHCN ngày 02/6/2017.....
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh



đvt: đồng

Stt	Hệ đào tạo	Mức học phí/ tháng	Học phí/ năm	Mức thu/ 1 tín chỉ
*	Học phí trong nước			
A.	Sau đại học			
1	Tiến sĩ	5.000.000	50.000.000	
2	Thạc sĩ			
	Khóa tuyển sinh năm học 2017-2018			
	+ Khối Kinh tế (bao gồm các ngành: Kế toán Kiểm toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Ngoại ngữ)	2.600.000	26.000.000	867.000
	+ Khối Công nghệ (các ngành còn lại)	3.000.000	30.000.000	1.000.000
	Khóa tuyển sinh trước năm học 2017-2018			
	Các ngành	2.475.000	24.750.000	825.000
B	Đại học chính quy đại trà, cao đẳng, liên thông.			
I	Khóa tuyển sinh từ năm học 2015 -2016 đến năm học 2017-2018			
1	Hệ đại học đại trà	1.650.000	16.500.000	470.000
2	Hệ Đại học: liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2 (1,2 ĐH)	1.980.000	19.800.000	565.000
3	Hệ Cao đẳng chính quy (0,8 ĐH)	1.320.000	13.200.000	375.000
II	Khóa tuyển sinh trước năm học 2015-2016			
1	Hệ đại học đại trà			
	+ Khối Kinh tế (bao gồm các ngành: Kế toán Kiểm toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Ngoại ngữ)	1.000.000	10.000.000	300.000
	+ Khối Công nghệ (các ngành còn lại)	1.200.000	12.000.000	365.000
2	Hệ Đại học: liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2 (1,2 ĐH)			
	+ Khối Kinh tế (bao gồm các ngành: Kế toán Kiểm toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Ngoại ngữ)	1.200.000	12.000.000	365.000
	+ Khối Công nghệ (các ngành còn lại)	1.440.000	14.400.000	435.000
3	Hệ Cao đẳng chính quy (0,8 ĐH)			
	+ Khối Kinh tế (bao gồm các ngành: Kế toán Kiểm toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Ngoại ngữ)	800.000	8.000.000	240.000
	+ Khối Công nghệ (các ngành còn lại)	960.000	9.600.000	290.000



C	Đại học chất lượng cao chương trình tiếng việt			
1	Khóa tuyển sinh năm 2017-2018			
	Khối công nghệ	2.800.000	28.000.000	790.000
	Khối kinh tế	2.800.000	28.000.000	830.000
2	Khóa tuyển sinh trước năm 2017-2018	2.400.000	24.000.000	
D	Hệ nghề			
1	Cao đẳng nghề			
	+ Khối Công nghệ (các ngành còn lại)	800.000	8.000.000	250.000
	+ Khối Kinh tế (bao gồm các ngành: Kế toán Kiểm toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Ngoại ngữ)	720.000	7.200.000	225.000
2	Sơ cấp nghề	400.000	4.000.000	
3	Cao đẳng nghề liên thông	720.000	7.200.000	240.000
*	Học phí liên kết nước ngoài			
	Thạc sĩ liên kết Hàn Quốc	6.900.000	69.000.000	

